|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH TIỀN GIANG | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC TIỀN GIANG | Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |

**(Dự thảo)**

**CHIẾN LƯỢC**

**Phát triển Trường Đại học Tiền Giang giai đoạn 2025 - 2035**

**Tầm nhìn đến năm 2045**

***(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHTG ngày tháng 01 năm 2025***

***của Trường Đại học Tiền Giang)***

Trường Đại học Tiền Giang được thành lập theo Quyết định số 132/QĐ-ĐHTG ngày 06 tháng 6 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở hợp nhất Trường Cao đẳng Sư phạm Tiền Giang và Trường Cao đẳng Cộng đồng Tiền Giang. Tiền thân của hai ngôi trường này là Viện Đại học Cộng đồng Tiền Giang (1971-1975), Trường Dự bị Đại học Tiền Giang (1975-1981), Cơ sở II Trường Đại học Cần Thơ (1981-1984), Trung tâm Đào tạo và Bồi dưỡng tại chức liên tỉnh Tiền Giang - Long An - Bến Tre hệ đại học (1984-2000), Trường Công nhân kỹ thuật Tiền Giang và các Trường Sư phạm của tỉnh thành lập sau ngày đất nước thống nhất. Trường có nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao, nghiên cứu khoa học, chuyển giao kỹ thuật và công nghệ, phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội khu vực Đồng bằng sông Cửu Long nói riêng và cả nước nói chung.

Trải qua 20 năm hình thành và phát triển (2005 - 2025), các thế hệ nhà giáo, sinh viên, học viên đã vun đắp những giá trị truyền thống rất đáng tự hào. Truyền thống ấy là: Đoàn kết, chung sức chung lòng xây dựng và phát triển nhà trường; khắc phục mọi khó khăn để dạy tốt, công tác tốt, học tốt; năng động, linh hoạt và thích ứng với yêu cầu xã hội; tất cả vì sự nghiệp giáo dục và sự phát triển cộng đồng.

Trên bước đường phát triển của mình, Trường Đại học Tiền Giang luôn đồng hành và đáp ứng nhu cầu học tiếp lên trình độ sau trung học phổ thông của học sinh trong vùng Nam Bộ. Với phương châm “Thiết thực - Hiệu quả - Hài hòa”, Trường Đại học Tiền Giang cùng với các trường đại học Khu vực Nam Bộ đào tạo nguồn nhân lực đa dạng, có trình độ cao, phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội vùng Nam bộ và cả nước.

Chiến lược phát triển Trường Đại học Tiền Giang giai đoạn 2025 - 2035, tầm nhìn đến năm 2045, đã được hoàn thành, góp phần quan trọng vào việc xây dựng và phát triển nhà trường, đáp ứng nhu cầu đào tạo nhân lực cho xã hội. Trước bối cảnh nền kinh tế toàn cầu, hội nhập quốc tế, tác động của nền kinh tế thế giới, yêu cầu của đổi mới giáo dục đào tạo và yêu cầu phát triển Trường trong giai đoạn mới, Nhà trường tiến hành xây dựng “Chiến lược phát triển Trường Đại học Tiền Giang giai đoạn 2025 - 2035, tầm nhìn 2045” với những nội dung chính sau đây:

Phần I: Giới thiệu chung về Trường Đại học Tiền Giang và cơ sở pháp lý xây dựng chiến lược.

Phần II: Tình hình Trường Đại học Tiền Giang giai đoạn 2020 - 2025.

Phần III: Bối cảnh, thời cơ và thách thức đối với sự phát triển Trường Đại học Tiền Giang.

Phần IV: Quan điểm, định hướng phát triển, sứ mạng, tầm nhìn, giái trị cốt lõi và triết lý giáo dục.

Phần V: Mục tiêu chiến lược và giải pháp thực hiện

Phần VI: Tổ chức thực hiện chiến lược.

**Phần I:**

**GIỚI THIỆU CHUNG**

**VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC**

**I. GIỚI THIỆU CHUNG**

1. Tên tiếng Việt: TRƯỜNG ĐẠI HỌC TIỀN GIANG

2. Tên tiếng Việt viết tắt: Trường ĐHTG

3. Tên tiếng Anh: TIỀN GIANG UNIVERSITY

4. Tên tiếng Anh viết tắt: TGU

5. Ngày thành lập: Ngày 06 tháng 6 năm 2005

6. Địa chỉ:

- Cơ sở số 119, Ấp Bắc, Phường 5, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- Cơ sở ấp Thân Bình, xã Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành, Tiền Giang.

7. Số điện thoại: 0273 3872624

8. Email: ptchc@tgu.edu.vn.

9. Website: www.tgu.edu.vn.

**II. CƠ SỞ PHÁP LÝ XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC**

1.Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Quốc hội khóa XIV và Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Giáo dục.

2. Luật Giáo dục đại học năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học năm 2018.

3. Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019.

4. Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học.

5. Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

6. Nghị quyết số 29-NQ/TW Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

7. Kết luận số 91-KL/TW ngày 12/8/2024 tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI “ Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”.

8. Quyết định số 69/QĐ-TTg ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đại học giai đoạn 2019 - 2025.

9. Quyết định số 1762/QĐ-TTG ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng chính phủ Về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Tiền Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

10. Thông tư số 26/2021/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 9 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên trong cơ sở giáo dục đại học.

11. Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

12. Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chuẩn cơ sở giáo dục đại học.

13. Thông tư số 14/2023/TT-BGDĐT ngày 17/7/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về “Quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục đại học”.

14. Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

**Phần II**

**TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN TRƯỜNG ĐẠI HỌC TIỀN GIANG**

**GIAI ĐOẠN 2020 - 2025**

**I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**

**1. Về cơ cấu tổ chức bộ máy**

- Trường Đại học Tiền Giang là cơ sở giáo dục đại học công lập, được thành lập năm 2005 theo Quyết định số 132/QĐ-TTg ngày 06 tháng 6 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ. Trường chịu sự quản lý hành chính nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang và sự quản lý về chuyên môn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Giai đoạn 2020 – 2025, cơ cấu tổ chức của Trường được tổ chức, quản lý phù hợp với quy định của Luật Giáo dục đại học và các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước. Cơ cấu tổ chức Trường bao gồm: Đảng ủy; Hội đồng trường; Ban Giám hiệu; Các tổ chức đoàn thể (Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội Cựu chiến binh, Hội Sinh viên); Hội đồng Khoa học và Đào tạo; Các đơn vị thuộc trường (7 phòng, 5 khoa, 4 trung tâm).

- Hội đồng trường Trường Đại học Tiền Giang nhiệm kỳ 2019 - 2024 được kiện toàn với 25 thành viên, trong đó có 01 Chủ tịch, 01 Thư ký và 23 thành viên. Hội đồng trường Trường Đại học Tiền Giang đã xây dựng và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động, thành lập Ban Thường trực, Ban Kiểm soát và các Ban chức năng của Hội đồng trường.

- Giai đoạn 2021-2024, trường từng bước hoàn chỉnh hệ thống các văn bản quản lý, điều hành trong triển khai thực hiện Đề án tự chủ; trường xây dựng Đề án tự chủ bộ, nhân sự, tài chính, đào tạo tại Trường Đại học Tiền Giang giai đoạn 2021-2025 trình UBND tỉnh phê duyệt.

**2. Về đội ngũ viên chức, giảng viên**

- Tính đến hết tháng 12/2024, tổng số viên chức, người lao động của trường là 374 người (nam 175, nữ 199). Trong đó:

+ Giảng viên cơ hữu: 230 người (tỷ lệ 61,49%).

+ Viên chức hành chính: 118 người (tỷ lệ 31,55%).

+ Người lao động: 26 người (tỷ lệ 6,95%).

+ Tiến sĩ 31 người, thạc sĩ 252 người (30 NCS), đại học 61 người (03 cao học), cao đẳng trở xuống 30 người.

- Giai đoạn 2020 - 2025, Đảng ủy Trường đã ban hành Nghị quyết đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức, giảng viên. Hằng năm, trường xây dựng danh mục ngành cần thu hút trình độ tiến sĩ gửi Sở Nội vụ thẩm định trình UBND tỉnh Tiền Giang phê duyệt.

- Trường đã xây dựng đề án vị trí việc làm năm 2024 (áp dụng cho năm học 2024 - 2025), trình Sở Nội duyệt thẩm định và Hội đồng trường quyết nghị ban hành (Đề án số 254/ĐA-ĐHTG ngày 16/5/2024). Theo đó có 50 vị trí việc làm, với 417 người làm việc, cụ thể:

+ VTVL lãnh đạo quản lý: 14 vị trị, 83 người làm việc.

+ VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành: 3 vị trí, 191 người làm việc.

+ VTVL chuyên môn dùng chung: 31 vị trí, 115 người làm việc.

+ VTVL hỗ trợ phục vụ: 5 vị trí, 28 người làm việc.

**3. Về hoạt động đào tạo**

- Trong năm 2022, nhà trường vẫn duy trì được 21/21 ngành đào tạo; Triển khai kế hoạch xây dựng lại 21 CTĐT đáp ứng chuẩn đầu rà (CĐR) nhằm đáp ứng Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021, quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đến năm 2023, 21/21 các CTĐT đang đào tạo tại trường đã hoàn thành việc xây dựng đáp ứng CĐR và áp dụng đào tạo từ khóa tuyển sinh năm 2023.

- Trường đã xây dựng và thẩm định CĐR CTĐT ngành Thú y, dự kiến mở trong năm 2024. Tuy nhiên đến nay vẫn chưa thể tiến hành tổ chức thẩm định CTĐT do chưa đảm bảo đủ và đúng nguồn nhân lực theo yêu cầu mở ngành quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022.

- Công tác bổ sung tài liệu phục vụ các CTĐT giai đoạn 2021-2024 được thực hiện tốt, cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập, giảng dạy của sinh viên và giảng viên; tổng số đầu sách hiện có trong thư viện trường là 23.719 tên (13.719 bản).

- Cơ sở dữ liệu: Từ năm 2015 đến nay trường đã mua tài khoản sử dụng Thư viện số cho toàn thể giảng viên và sinh viên với hơn 1.448.884 tài liệu. Năm 2022 đến nay, trường mua tài khoản sử dụng 02 CSDL:

+ Cơ sở dữ liệu OECD iLibrary: chứa đựng hàng nghìn sách điện tử, chương sách, báo, tạp chí, bảng biểu và đồ thị; cấp 100% tài khoản sử dụng cho GV, SV.

+ Cơ sở dữ liệu tạp chí chuyên ngành Khoa học và Công nghệ: tập hợp hơn 190.000 các bài nghiên cứu ở hầu hết các ngành được đăng trên các tạp chí trong nước. Hỗ trợ tham khảo trong công tác nghiên cứu, phát triển, ứng dụng vào thực tiễn cuộc sống, được cập nhật hàng ngày. Cấp 100% tài khoản sử dụng cho GV, SV.

**4. Về hoạt động bảo đảm và kiểm định chất lượng**

Hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong được cơ bản hoàn thành và ngày càng hoàn thiện; năng lực viên chức làm công tác bảo đảm chất lượng ngày càng được nâng cao. Xây dựng văn hóa chất lượng trong Trường học, lấy chất lượng làm nền tảng, là yêu cầu xuyên suốt trong mọi hoạt động giáo dục đào tạo.

Hoạt động bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo được tiến hành theo lộ trình của chiến lược, có kế hoạch, có cải tiến đã góp phần giúp nhà trường đổi mới phương pháp dạy và học, kiểm tra đánh giá, phát triển chương trình đào tạo đáp ứng chuẩn đầu ra; nâng cao được chất lượng đào tạo và chất lượng cung cấp các dịch vụ hỗ trợ người học.

Trường được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục chu kỳ 2 (giai đoạn 2023-2028) theo Bộ tiêu chuẩn của Bộ GD và Đào tạo. Ban Giám hiệu Trường đã ban hành Kế hoạch hành động (KHHĐ) số 1094/KH-ĐHTG ngày 11/9/2023 về việc thực hiện KHHĐ sau khi đạt kiểm định CSGD. Trường cũng đã ban hành Kế hoạch bảo đảm và kiểm định chất lượng Trường đại học Tiền Giang giai đoạn 2023-2025, KH số 415/KH-ĐHTG ngày 12/4/2023, kế hoạch nhằm cụ thể quá trình thực hiện tự đánh giá, cải tiến chất lượng, đánh giá ngoài và nâng cao chất lượng CSGD và CTĐT sau đánh giá ngoài.

Có 11/21 chương trình đào tạo trình độ đại học và 01 chương trình đào tạo cao đẳng sư phạm đang đào tạo tại Trường đạt kiểm định chất lượng theo Bộ tiêu chuẩn của Bộ GD và Đào tạo, có 2 CTĐT đang triển khai thực hiện báo cáo giữa kỳ, 07/10 CTĐT còn lại đã hoàn thành tự đánh giá theo Bộ tiêu chuẩn của Bộ GD và Đào tạo.

Về công tác đào tạo bồi dưỡng: Trường đã mời chuyên gia tập huấn về Hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong của Trường đại học cho tất cả viên chức của Trường, mời chuyên gia tập huấn viết báo cáo Tự đánh giá 04 chương trình đào tạo ngành Tài chính – ngân hàng, Du lịch, Nuồi trồng thủy sản, Công nghệ sinh học kiểm định năm 2024. Trường hiện có 9 viên chức có chứng chỉ, chứng nhận bồi dưỡng khóa kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục, trong đó có 01 viên chức được cấp thẻ kiểm định viên. Hoạt động bảo đảm và kiểm định chất lượng đã góp phần hình thành văn hóa chất lượng trong công tác quản trị nhà trường.

**5. Về hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ**

- Hoạt động nghiên cứu khoa học của Trường Đại học Tiền Giang trong những năm qua có sự chuyển biến tích cực, góp phần giải quyết những vấn đề mới trong khoa học và phục vụ hiệu quả hoạt động giảng dạy các ngành nghề đang đào tạo tại Trường. Giai đoạn 2021-2024, viên chức Trường triển khai thực hiện 01 đề tài cấp Nhà nước; 09 đề tài khoa học cấp tỉnh; 03 đề tài khoa học cấp cơ sở; Tổ chức thành công hội đồng nghiệm thu 46 nhiệm vụ KH&CN của viên chức và 32 đề tài NCKH của sinh viên với xếp loại từ Khá trở lên. Nhìn chung  các đề tài đều thực hiện theo đúng kế hoạch và tiến độ đã được Nhà trường phê duyệt. Công tác quản lý hoạt động NCKH cũng được cải tiến hiệu quả hơn trong việc ban hành các quy định, quy trình quản lý mới đã được cập nhật để áp dụng. Tiến độ thực hiện các đề tài NCKH cấp Trường trong năm học vừa qua được thực hiện nhanh chóng theo đúng thời gian. Các đề tài nghiên cứu khoa học của viên chức đều tập trung phục vụ cho hoạt động giảng dạy và giải quyết những vấn đề cụ thể về kỹ thuật công nghệ, kinh tế, văn hóa, xã hội trên địa bàn tỉnhTiền Giang và khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long.

- Số lượng bài báo khoa học của VC Trường ĐHTG đăng trên Tạp chí khoa học Trường ĐHTG Giai đoạn 2021-2024: 55 bài; các bài báo trên tạp chí khoa học Trường ĐHTG được thẩm định với quy trình phản biện độc lập tương ứng với quy trình thẩm định của các tạp chí khoa học uy tín khác trong và ngoài nước. Số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước có mã số ISSN: 653 bài; trong đó số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí thuộc danh mục tính điểm của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (HĐGSNN): 550 bài. Số lượng bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành quốc tế: 159 bài; trong đó số lượng bài báo đăng trên các tạp chí thuộc hệ thống ISI: 62 bài, hệ thống SCOPUS: 68 bài và các tạp chí quốc tế khác *(có mã số ISSN)*: 29 bài.

- Giai đoạn 2021-2024, toàn trường thực hiện 01 Hội thảo cấp Quốc tế, 01 Hội thảo cấp Quốc gia, 02 Hội thảo cấp tỉnh; 15 hội thảo khoa học cấp trường, và 07 hội thảo khoa học cấp Khoa, công tác tổ chức hội thảo khoa học các cấp tại Trường Đại học Tiền Giang dần đi vào nề nếp và chất lượng các hội thảo được cải thiện hơn thực hiện đúng theo Quy định tổ chức hội thảo, hội nghị khoa học tại Trường Đại học Tiền Giang đã được ban hành

- Trong những năm qua, hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên Trường Đại học Tiền Giang có nhiều bước chuyển biến tích cực và đạt được nhiều kết quả cao tại các cuộc thi nghiên cứu khoa học dành cho sinh viên, học sinh tại tỉnh Tiền Giang, khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước. Trong giai đoạn 2021-2024, Trường Đại học Tiền Giang có 09 công trình đạt giải cao tại cuộc thi sinh viên NCKH Eureka và các cuộc thi Sinh viên khởi nghiệp các cấp. Tuy nhiên, do thiếu đội ngũ các nhà khoa học đầu đàn, các chuyên gia và do khó khăn về kinh phí nên Trường chưa phát huy tối đa năng lực nghiên cứu của giảng viên và sinh viên; một số đề tài nghiên cứu còn dừng lại ở mức định hướng ứng dụng nên hoạt động chuyển giao còn hạn chế. Do đó, Trường chưa tạo được mối liên kết bền vững với các cơ quan, doanh nghiệp...để phát triển hoạt động nghiên cứu khoa học theo hướng ứng dụng nhằm mang lại nguồn thu cho Trường.

**6. Về hợp tác ngoài nước**

- Giai đoạn 2021-2024, Trường đã duy trì và phát triển tốt mối liên kết, hợp tác đào tạo và nghiên cứu khoa học với hầu hết các cơ quan nghiên cứu, trường đại học thuộc các tỉnh Nam Bộ. Từ đó, đã hỗ trợ nhà trường xây dựng chương trình đào tạo theo hướng tiên tiến, hiện đại; liên kết đào tạo chuẩn hóa cán bộ và phát triển nguồn nhân lực cho các địa phương. Đồng thời, tạo điều kiện phát huy năng lực nghiên cứu, giảng dạy đối với viên chức của Trường.

- Quan hệ hợp tác với các tổ chức quốc tế, các doanh nhiệp nước ngoài và trường đại học ở các nước: Úc, Pháp, Hoa Kỳ, Hàn Quốc, Thái Lan, Malaysia, Na Uy, Hà Lan, Nhật Bản và Đức được mở rộng, đa dạng hóa. Từ năm 2021 đến năm 2024, Trường đã đón tiếp khoảng 100 đoàn khách quốc tế đến thăm và làm việc; đã ký kết nhiều biên bản ghi nhớ hợp tác (MOU) với các đối tác quốc tế; mở rộng hợp tác với 17 quốc gia trên thế giới như Hoa Kỳ, Hàn Quốc, Pháp, Úc, Nhật Bản, Thái Lan, Indonesia, Singapore, Trung Quốc, Brunei, Hà Lan, Đức, Lào, Tây Ban Nha, New Zealand, Ý, Anh. Lĩnh vực hợp tác cũng ngày càng đa dạng hơn. Trường tiếp nhận nhiều nguồn tài trợ kinh phí, học bổng, trang thiết bị từ các tổ chức nước ngoài, góp phần nâng cao điều kiện cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động giảng dạy và học tập.

- Tuy nhiên, Trường chưa thực hiện được việc liên kết đào tạo với các trường đại học quốc tế; chưa thực hiện được các dự án nghiên cứu khoa học chung với các đối tác quốc tế. Trường chỉ mới thực hiện được việc tiếp nhận các sinh viên quốc tế mà chưa gửi được sinh viên Trường sang học tập ở các trường đối tác. Đa số các bản ghi nhớ, thỏa thuận hợp tác đều chưa được triển khai sâu rộng và chưa cụ thể hóa các hoạt động hợp tác.

**7. Về cơ sở vật chất**

- Trong những năm qua, nhà trường luôn chú trọng đến việc đầu tư và nâng cấp trang thiết bị hiện đại, nhằm đáp ứng đầy đủ nhu cầu giảng dạy và học tập. Công tác bảo trì và sửa chữa trang thiết bị được thực hiện theo kế hoạch định kỳ, và hàng năm, trường tiếp tục đầu tư thêm vào cơ sở vật chất, trang bị những thiết bị hiện đại nhằm phục vụ tốt nhất cho hoạt động giảng dạy. Hiện trường có hai cơ sở với tổng diện tích đất là 24,6898 ha. Trong đó, diện tích nhà làm việc chiếm 4.058 m², 139 phòng học và giảng đường với tổng diện tích 5.784 m², diện tích phòng thí nghiệm là 3.960 m², và thư viện rộng 4.241 m², tất cả đều được đầu tư và đưa vào sử dụng để phục vụ tốt nhất cho quá trình học tập và nghiên cứu.

- Hệ thống thông tin liên lạc, thiết bị tin học cùng các phần mềm hỗ trợ quản lý và điều hành đã góp phần quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả dạy và học, nghiên cứu khoa học và công tác quản lý. Nhà trường đã tích cực đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý và điều hành nhằm nâng cao hiệu lực và hiệu quả hoạt động. Đây cũng là nền tảng cốt lõi để thực hiện chuyển đổi số, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo trong thời gian tới.

**8. Về tài chính**

- Trường Đại học Tiền Giang là đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (đơn vị nhóm 3), mức tự đảm bảo từ 70% đến dưới 100%. Nguồn tài chính phục vụ cho hoạt động của Trường bao gồm: nguồn ngân sách Nhà nước, học phí, nguồn thu từ hoạt động dịch vụ và các hoạt động khác. Trong những năm qua, nguồn thu của Trường chủ yếu là từ các hoạt động đào tạo. Trong điều kiện nguồn kinh phí ngân sách Nhà nước cấp giảm dần, trong khi nguồn thu từ học phí của các trường đại học công lập bị giới hạn bởi mức trần học phí theo quy định của Chính phủ, quy mô tuyển sinh các hệ đào tạo không chính quy ít, việc duy trì ổn định nguồn thu của nhà trường là sự nỗ lực rất lớn.

- Trong những năm qua, nhà trường đã triển khai kịp thời các chủ trương, chính sách và pháp luật nhà nước, các quy định, hướng dẫn của cấp trên về chế độ thu chi, quản lý tài chính, tài sản. Đồng thời, rà soát, điều chỉnh và bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ và quản lý tài chính tài sản theo tinh thần Nghị định số 43/2006/NĐ-CP và Nghị định 60/2021/NĐ-CP đã đưa công tác quản lý tài chính của Trường đi vào nề nếp, chủ động và tích cực; sử dụng hợp lý nguồn thu ngân sách. Công tác quản lý tài chính đã thực sự phục vụ đắc lực cho các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng... góp phần tích cực cho sự phát triển của Trường.

- Nguồn tài chính của Trường do ngân sách nhà nước cấp giảm dần theo lộ trình và nguồn thu sự nghiệp được để lại theo quy định; nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp (bao gồm nguồn thu từ học phí của sinh viên và các nguồn thu sự nghiệp khác) chiếm tỷ lệ bình quân trong tổng thu hoạt động thường xuyên trên 75%. Nguồn kinh phí đầu tư tăng cường cơ sở vật chất còn do ngân sách Nhà nước cấp theo nhu cầu bình quân từ năm 2021 đến năm 2024 khoảng 4,1 tỷ đồng/ năm và thu nhập tăng thêm cho viên chức, giảng viên còn thấp và không có trong năm 2023-2024.

- Về chính sách tài chính của nhà trường, trong những năm qua đã từng bước đổi mới, cập nhật bổ sung hoàn thiện các quy chế, quy định cho phù hợp với tình hình thực tế nhằm tạo điều kiện cho các đơn vị tự chủ, khuyến khích tăng thu, tiết kiệm chi. Trường đã xây dựng phương án tự chủ hàng năm vừa đáp ứng nhu cầu chi vừa ổn định thu nhập cho viên chức nhà trường.

**9. Hoạt động phục vụ cộng đồng**

- Trường đã tổ chức 14 lớp đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn như: Tin học Cơ bản, Nâng cao; Bồi dưỡng Đạo đức công vụ - Văn hoá công sở; Khai báo Thuế; Kế toán Doanh nghiệp; Kế toán trưởng Doanh nghiệp; Kế toán trưởng Nhà nước; Tiếng Anh hướng nghiệp; Khoá cập nhật kiến thức dành cho HDVDL nội địa và quốc tế; Nghiệp vụ Chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ em; NVSP Tiếng Anh dành cho trẻ em; Dinh dưỡng học đường; Chương trình QLCL Thực phẩm theo HACCP; Vệ sinh An toàn thực phẩm cho 5.506 lượt học viên.

- Nhà trường đã chuyển giao quy trình sản xuất giống ếch Thái Lan (Rana Tigerina) toàn cái cho Công ty TNHH Sagophar với giá trị 135.000 đồng. Tổ chức Hội thảo đầu bờ cho nông dân về xây dựng vườn sầu riêng áp dụng kỹ thuật tiên tiến phục hồi sau hạn mặn và thích ứng với xâm nhập mặn ở xã Tam Bình và xã Ngũ Hiệp, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang với gần 40 nông dân tham gia. Tổ chức 6 Hội thảo chuyên đề (2 ở Huyện Gò Công Tấy, 2 ở Châu Thành, 1 ở huyện Chợ Gạo và 1 ở Trung tâm Hội nghị tỉnh) cho nông dân và nhân viên kỹ thuật dịch vụ thú y về các biện pháp phòng và pháp hiện sớm bệnh sinh sản trên bò cho hơn 240 người. Tổ chức các buổi huấn luyện cho nông dân, cán bộ phòng Nông nghiệp về kỹ thuật nuôi tôm và kinh tế thuỷ sản cho hơn 40 người.

- Dựa trên chức năng hoạt động, tiềm năng nguồn lực và định hướng phát triển của Trường Đại học Tiền Giang, công tác giới thiệu, tuyển dụng lao động trong nước và tạo nguồn đi làm việc ở nước ngoài của Trường luôn được quan tâm và có sự đầu tư. Từ tháng 11/2015, Trường đã phối hợp cùng Công ty TNHH Esuhai và Trường Nhật ngữ Kaizen Yoshida School tổ chức chương trình đào tạo Tiếng Nhật và giới thiệu việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp được thực tập kỹ năng và hợp đồng làm việc chuyên môn với các công ty tại Nhật Bản. Tổng số lớp tiếng Nhật đã mở là 176 lớp với 2.223 học viên tham gia (trong đó có 1.655 học viên là sinh viên chính quy của Trường, số sinh viên có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Tiền Giang là 306 sinh viên). Số đã xuất cảnh sang Nhật làm việc là 553 học viên (trong đó có 386 học viên là sinh viên của Trường Đại học Tiền Giang). Các ngành sang Nhật làm việc: Chế biến thực phẩm, chế biến thủy sản, nông nghiệp, may công nghiệp, kỹ thuật cơ khí, Ô tô, xây dựng, lắp ráp điện tử, đóng gói công nghiệp….

- Từ năm 2022 đến năm 2024, mỗi năm Đoàn Thanh niên huy động từ 200 đến hơn 500 tình nguyện viên tham gia các đội hình chuyên như: Xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh, sửa chữa điện dân dụng, đền ơn đáp nghĩa, tiếp sức mùa thi, tiếp sức đến trường. Tổng giá trị quy đổi 11.190 ngày công tác xã hội; các công trình, phần việc thanh niên có tổng trị giá hơn 1 tỉ đồng.

- Hội Sinh viên đã tổ chức 2 chương trình “Tiếp sức mùa thi”, 2 chương trình "Tiếp sức đến trường": Chương trình đã tư vấn, hỗ trợ cho hơn 8.000 lượt thí sinh và phụ huynh về địa điểm thi, thủ tục dự thi, thủ tục nhập học, chỗ trọ giá rẻ, an toàn, quán ăn; phát hơn 600 viết chì, đồ chuốt viết chì và cục tẩy cho thí sinh dự thi; phát hơn 4.000 chai nước suối, nước uống các loại miễn phí; 1.500 suất cơm, bánh mì, bánh ngọt miễn phí;…

- Xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh: Hỗ trợ kinh phí 50 triệu đồng xây dựng 1 căn nhà tình bạn tại huyện Gò Công Tây; hỗ trợ hơn 10.000 ngày công cùng các địa phương hoàn thiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới như: tuyến đường tự quản, phát quang bụi rậm, bảo vệ dòng sông quê hương; hỗ trợ các phường xã hơn 5.000 ngày công ích thực hiện các phần việc xây dựng đô thị văn minh như: Sạch đường đẹp phố, quét dọn nghĩa trang liệt sĩ và các công trình công cộng.

- Hoạt động hiến máu tình nguyện thu hút đông đảo viên chức và sinh viên toàn Trường tích cực tham gia. Từ năm 2022 đến năm 2024, Hội Sinh viên tổ chức 3 đợt hiến máu tình nguyện, thu được 1.053 đơn vị máu.

**II. ĐÁNH GIÁ MẶT MẠNH VÀ MẶT YẾU**

**1. Mặt mạnh**

Kết thúc giai đoạn 5 năm (2020-2025) thực hiện Chiến lược phát triển Trường, Trường Đại học Tiền Giang tổng kết những mặt mạnh cơ bản sau:

***Một là*,** nội bộ đoàn kết, thống nhất ý chí hành động. Hệ thống chính trị vững mạnh, có quan điểm, chủ trương đổi mới đúng đắn, phù hợp với thực tiễn. Bộ máy tổ chức nhà trường được kiện toàn theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu quả.

***Hai là*,** đội ngũ GV đa số trẻ, có tinh thần cầu tiến, giàu nhiệt huyết cống hiến, giỏi về chuyên môn, mạnh về nhận thức chính trị, đã và đang phấn đấu học tập, rèn luyện nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo.

***Ba là*,** quan hệ hợp tác với các cơ quan nghiên cứu, cơ sở đào tạo, sản xuất kinh doanh tiếp tục duy trì và mở rộng góp phần nâng chất lượng đào tạo và giải quyết việc làm cho sinh viên tốt nghiệp.Các hoạt động liên kết, hợp tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao nhân lực và công nghệ... đang mở ra nhiều triển vọng cho sự phát triển của nhà trường.

***Bốn là,*** các điều kiện ĐBCL giáo dục từng bước được đáp ứng; hoạt động đổi mới quản lý, nâng cao chất lượng đào tạo đang tạo sự chuyển biến mới theo hướng tích cực, hiệu quả.

**2. Mặt yếu**

Bên cạnh những mặt mạnh cơ bản, Trường còn tồn tại một số mặt yếu nhiều năm chưa khắc phục triệt để, đó là:

- Cơ cấu ngành đào tạo chưa đa dạng, chưa có nhiều ngành học mới đáp ứng kịp thời nhu cầu xã hội và đón đầu xu thế tuyển dụng của thế giới việc làm.

- Năng lực hội nhập quốc tế trong đào tạo, khoa học và công nghệ chưa đáp ứng yêu cầu, chưa khai thác được lợi thế của một trường đại học đa ngành để tổ chức các nhóm nghiên cứu liên ngành và hợp tác đối ngoại.

- Số lượng giảng viên có trình độ tiến sĩ, học hàm phó giáo sư chưa cân đối ở các ngành, giảng viên có khả năng giảng dạy chuyên môn bằng ngoại ngữ chưa nhiều.

- Số lượng đề tài khoa học và công nghệ, công trình nghiên cứu được ứng dụng trong thực tế còn ít, đề tài có sản phẩm được thương mại hóa chưa nhiều.

- Cơ sở hạ tầng về thiết bị công nghệ phục vụ giảng dạy trực tuyến còn thiếu, cơ sở vật chất phục vụ thực tập, thực hành chưa đồng bộ và chưa được khai thác có hiệu quả.

- Nguồn lực tài chính chưa ngang tầm với yêu cầu phát triển theo hướng đổi mới và hội nhập quốc tế. Nguồn kinh phí NSNN chi cho hoạt động giáo dục và đào tạo còn hạn hẹp, thu nhập của viên chức còn thấp, cơ chế tài chính còn nhiều ràng buộc nên chưa tạo động lực để đổi mới; chưa đủ sức thu hút đội ngũ giảng viên có trình độ cao về Trường công tác.

**Phần III**

**BỐI CẢNH, THỜI CƠ VÀ THÁCH THỨC**

**ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG ĐẠI HỌC TIỀN GIANG**

**I. BỐI CẢNH**

**1. Bối cảnh quốc tế**

***Thứ nhất,*** xu thế toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế đang diễn ra nhanh chóng, mạnh mẽ và sâu rộng. Toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế không chỉ ở lĩnh vực kinh tế, mà trong hầu hết lĩnh vực của đời sống xã hội. Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế trên lĩnh vực giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực đã trở thành xu hướng tất yếu.

Thế giới ngày nay, đòi hỏi nguồn nhân lực có những giá trị chung về phẩm chất, năng lực để hội nhập trong xu thế toàn cầu hóa. Hợp tác quốc tế được mở rộng, trong đó có hợp tác trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực trở thành xu hướng phổ biến, đáp ứng với yêu cầu thị trường lao động thế giới.

***Thứ hai,*** cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, xã hội loài người đang hình thành xã hội số, mọi lĩnh vực ứng dụng công nghệ số. Nền kinh tế tri thức hình thành và phát triển mạnh mẽ, tạo đột phá trên nhiều lĩnh vực đang làm thay đổi nhanh chóng bộ mặt của các nước và thế giới, mang lại cả thời cơ và thách thức với mọi quốc gia.

Cách mạng khoa công nghệ, đặc biệt công nghệ thông tin và truyền thông đã tạo ra những điều kiện để đổi mới cơ bản nội dung, phương pháp giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực. Hầu hết quốc gia đều thực hiện một nền giáo dục mở, thu hẹp khoảng cách không gian và thời gian, thích ứng với nhu cầu của người học.

***Thứ ba,*** những vấn đề toàn cầu diễn biến phức tạp, khó lường như vấn đề môi trường sống, an ninh phi truyền thống, chiến tranh, dịch bệnh, ... làm thay đổi sâu sắc trật tự, cấu trúc kinh tế, phương thức quản trị toàn cầu, cách thức hoạt động kinh tế và tổ chức đời sống xã hội của thế giới.

Những vấn đề mới toàn cầu tác động trực tiếp đến giáo dục nói chung và đào tạo nguồn nhân lực nói riêng.

***Thứ tư,*** giáo dục ĐH, đào tạo nguồn nhân lực ngày nay thay đổi mạnh mẽ, đáp ứng tiến trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, song giáo dục ĐH, đào tạo nguồn nhân lực đang trở thành một môi trường cạnh tranh cao. Việc hình thành các chuẩn giá trị chung để đánh giá, xếp loại các trường ĐH trở thành xu thế tất yếu. Để hợp tác và công nhận nhau, các trường ĐH trong khu vực châu thổ và toàn cầu đang hình thành những mạng lưới, tổ chức chung.

Quá trình này tạo ra nhiều cơ hội cho giáo dục ĐH ở các nước đang phát triển tiếp cận nhanh với trình độ quốc tế, nhưng cũng đặt ra nhiều thách thức trong việc cạnh tranh thu hút người học, GV, cán bộ quản lý giỏi, đòi hỏi giáo dục ĐH phải nhanh chóng đổi mới mạnh mẽ về hình thức, nội dung, chương trình, phương pháp đào tạo để nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu xã hội và đạt được những chuẩn mực chung về chất lượng giáo dục.

***Thứ năm*,** khu vực châu Á - Thái Bình Dương phát triển năng động nhưng hàm chứa những nhân tố gây mất ổn định.

Trong những thập niên qua, khu vực châu Á - Thái Bình Dương có những biến đổi sâu sắc, là khu vực phát triển năng động và đang hình thành nhiều hình thức liên kết, hợp tác đa dạng nhưng còn tiềm ẩn những nhân tố gây mất ổn định; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn vẫn diễn ra quyết liệt; tranh chấp lãnh thổ, biển, đảo diễn biến khó lường… Tất cả đã và đang ảnh hưởng đến giáo dục và đào tạo.

**2. Bối cảnh trong nước**

***Thứ nhất*,** sau 39 năm đổi mới, thế và lực của đất nước đã lớn mạnh mọi mặt. Sức mạnh tổng hợp quốc gia, tiềm lực, vai trò, vị thế, uy tín của đất nước ngày càng được nâng cao, tạo ra những tiền đề quan trọng để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Cơ cấu kinh tế bước đầu chuyển dịch sang chiều sâu, hiệu quả sử dụng các yếu tố đầu vào cho nền kinh tế, tập trung chủ yếu ở chất lượng nguồn nhân lực.

***Thứ hai,*** dân số và nguồn lao động ở việt Nam tương đối dồi dào đang ở giai đoạn dân số vàng, có khả năng thích nghi tốt với những thay đổi khoa học và công nghệ, tuy nhiên nguồn nhân lực chất lượng cao, công nghệ... còn thấp so với yêu cầu để đưa Việt Nam sớm trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

***Thứ ba,*** lĩnh vực giáo dục và đào tạo nhân lực đang thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện theo hướng tập trung nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu của người sử dụng lao động, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh Việt Nam. Việc đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp giảng dạy ở các bậc học; cải cách chế độ tiền lương cho đội ngũ giáo viên/GV và ưu đãi cho người học; xây dựng hệ thống quốc gia đánh giá, kiểm định chất lượng giáo dục - đào tạo... đang được các bộ, ngành tích cực triển khai. Việc đổi mới chính sách sử dụng nhân lực bước đầu đạt được một số kết quả như chính sách tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ, trọng dụng, thu hút nhân lực, nhân tài trong khu vực nhà nước đang từng bước áp dụng theo cơ chế thị trường.

***Thứ tư,*** giáo dục ĐH và đào tạo nguồn nhân lực ở Việt Nam đang đổi mới mạnh mẽ theo hướng tự chủ và chịu trách nhiệm giải trình, kiểm định chất lượng và hội nhập quốc tế. Hiện tại, mạng lưới các trường ĐH, CĐ ở Việt Nam phát triển nhanh, cơ bản đáp ứng yêu cầu đào tạo nhân lực cho đất nước. Đến năm 2025 sẽ có thêm nhiều trường ĐH và CĐ tư thục, đại học quốc tế ra đời theo chủ trương xã hội hóa giáo dục của Đảng và Nhà nước. Sự xuất hiện ngày càng nhiều các cơ sở đào tạo ĐH trong nước và đại học nước ngoài tại Việt Nam dẫn tới sự cạnh tranh gay gắt giữa các cơ sở đào tạo trong nước. Đối với các trường mới thành lập và các trường ĐH địa phương càng gặp khó khăn, đòi hỏi các trường ĐH phải thực sự quan tâm đến chất lượng và hiệu quả đào tạo.

Những thành tựu đổi mới đã hình thành thế và lực mới, tạo nên sức mạnh tổng hợp lớn hơn nhiều so với trước. Nền kinh tế đang ổn định và tăng trưởng. Tuy nhiên, nước ta vẫn đứng trước nhiều khó khăn, thách thức, chúng tác động đan xen, phức tạp, không thể coi thường. Nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới vẫn tồn tại. Tình trạng suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên gắn với tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí vẫn đang diễn ra. Các thế lực thù địch vẫn tiếp tục thực hiện âm mưu “diễn biến hòa bình”, gây bạo loạn lật đổ, sử dụng các chiêu bài “dân chủ”, “nhân quyền” hòng làm thay đổi chế độ chính trị ở nước ta. Trong nội bộ, những biểu hiện xa rời mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” có những diễn biến phức tạp.

**3. Bối cảnh trong ngành Giáo dục và Đào tạo**

Lĩnh vực giáo dục và đào tạo đang đứng trước yêu cầu đổi mới, nâng cao chất lượng, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước với những đặc điểm sau:

***Thứ nhất*,** Đảng và Chính phủ đã kịp thời ban hành chủ trương, chiến lược đổi mới giáo dục, đào tạo và xây dựng con người Việt nam; ngành giáo dục đã có nhiều phấn đấu và đã đạt được những thành tựu quan trọng.

Bộ chính trị đã ban hành Kết luận số 91-KL/TW ngày 12/8/2024 tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI “ Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”. Chính phủ xây dựng Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2021 -2030.

***Thứ hai*,** giáo dục và đào tạo nước ta tồn tại nhiều hạn chế, yếu kém.

Chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo còn thấp so với yêu cầu, nhất là giáo dục đại học. Hệ thống giáo dục và đào tạo thiếu liên thông giữa các trình độ và giữa các phương thức giáo dục, đào tạo. Chương trình giáo dục còn nặng lý thuyết, nhẹ thực hành. Đào tạo thiếu gắn kết với nghiên cứu khoa học, sản xuất, kinh doanh và nhu cầu của thị trường lao động. Nội dung, chương trình giáo dục chưa chú trọng đúng mức việc giáo dục đạo đức, lối sống và kỹ năng làm việc. Phương pháp giáo dục, việc thi, kiểm tra và đánh giá kết quả còn lạc hậu, thiếu thực chất.

Quản lý giáo dục và đào tạo còn nhiều yếu kém. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục bất cập về chất lượng, số lượng và cơ cấu. Một bộ phận chưa theo kịp yêu cầu đổi mới và phát triển giáo dục, thiếu tâm huyết, thậm chí vi phạm đạo đức nghề nghiệp.

Đầu tư cho giáo dục và đào tạo chưa hiệu quả. Chính sách, cơ chế tài chính cho giáo dục và đào tạo chưa phù hợp. Cơ sở vật chất kỹ thuật còn thiếu vàlạc hậu.

***Thứ ba*,** nền giáo dục Việt Nam đang đứng trước yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện, hướng đến mục tiêu phát triển văn hóa và con người Việt Nam; đang chịu sự tác động mạnh của cơ chế thị trường, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.

Giáo dục và đào tạo nước ta đang chịu sự tác động tích cực lẫn tiêu cực của cơ chế thị trường và hội nhập quốc tế. Từ đó, hoạt động đổi mới giáo dục đan xen cơ hội và khó khăn thách thức.

***Thứ tư*,** chủ trương đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo của Đảng đã hình thành diện mạo mới của nền giáo dục nước nhà. Tuy nhiên, khâu tổ chức thực hiện đang là thách thức to lớn đối với Bộ GD&ĐT cũng như hệ thống giáo dục quốc dân.

**4. Bối cảnh địa phương tỉnh Tiền Giang**

Thủ tướng Chính phủ đã Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Tiền Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Theo đó các nội dung liên quan đến giáo dục đại học như sau:

a) Mục tiêu cụ thể (giai đoạn 2021 - 2030): Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 75%; trong đó, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ là 34%.

b) Đột phá phát triển: Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thu hút, trọng dụng và đãi ngộ nhân tài, nhất là trong các ngành, lĩnh vực chủ lực của tỉnh.

c) Phương hướng phát triển:

- Phát triển giáo dục toàn diện, hiện đại, tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và hội nhập quốc tế. Rà soát, sắp xếp các cơ sở giáo dục công lập. Phát triển mạng lưới các trường từ mầm non đến trung học phổ thông; phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu đào tạo và nâng cao trình độ cho người lao động. Phấn đấu có một số cơ sở trở thành trung tâm giáo dục chất lượng cao của vùng.

- Xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đủ về số lượng, cơ cấu, đạt chuẩn về trình độ, năng lực, phẩm chất, phân bố hợp lý giữa khu vực đô thị và nông thôn.

- Xây dựng hệ thống cơ sở vật chất cho các cơ sở giáo dục, đào tạo chuẩn hoá, hiện đại, bảo đảm tốt các điều kiện dạy và học, tạo cơ hội học tập thuận lợi cho mọi người dân, góp phần xây dựng xã hội học tập.

d) Phương án phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo

- Đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở giáo dục các cấp theo hướng hiện đại, đạt chuẩn; đổi mới, nâng cao chất lượng dạy và học đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và bảo đảm khả năng tiếp cận giáo dục cho người học.

- Xây dựng đội ngũ giáo viên, giảng viên các cấp đạt chuẩn đáp ứng yêu cầu dạy và học.

- Xây dựng mới 02 trường trung học phổ thông: Trường Trần Hưng Đạo và Tân Mỹ Chánh, thành phố Mỹ Tho.

- Đầu tư nâng cấp, cải tạo, mở rộng 19 trường trung học phổ thông; đầu tư trang thiết bị phục vụ chương trình giáo dục phổ thông.

- Tổ chức lại các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh theo hướng tinh gọn, đa ngành, đa nghề, chuẩn hóa, hiện đại và hội nhập quốc tế.

- Thành lập mới Khoa Y thuộc Trường Đại học Tiền Giang.

- Nâng cấp Trường Đại học Tiền Giang và trung tâm giáo dục thường xuyên các huyện, thị xã, thành phố.

Khuyến khích xã hội hóa phát triển các cơ sở giáo dục ngoài công lập; tập trung đẩy nhanh phát triển hệ thống trường học mầm non, phổ thông tư thục ở địa bàn các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và khu đô thị mới.

**II. CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC**

**1. Những cơ hội đối với Trường Đại học Tiền Giang trong thời kỳ toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế.**

***Thứ nhất,*** Luật Giáo dục đại học đang từng bước giao quyền tự chủ cho trường ĐH. Đảng và Nhà nước đã và đang có nhiều chính sách ưu tiên phát triển kinh tế, xã hội cho vùng Tây Nam bộ. Hội nhập quốc tế và khu vực ngày càng sâu rộng; Hòa nhập, toàn cầu hóa, tăng cường giao lưu quốc tế sẽ góp phần nâng cao năng lực nghiên cứu, trao đổi học thuật, chia sẻ thông tin cho các nhà khoa học trong trường.

***Thứ hai,*** kinh tế - xã hội tăng trưởng và phát triển, đặc biệt là sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin và truyền thông tác động tích cực đến quản trị, điều hành, học tập. Văn hóa chất lượng, văn hóa ứng xử và hoạt động quản trị học tập được chú ý. Nhu cầu của xã hội về các sản phẩm nghiên cứu ứng dụng, về nguồn nhân lực có trình độ cao, kỹ năng giỏi trong hoạt động nghề nghiệp ngày càng tăng và đa dạng. Nhu cầu của người học muốn được đào tạo theo các chương trình chất lượng cao trong nước ngày càng tăng.

***Thứ ba*,** Trường có thêm điều kiện tiếp cận xu thế phát triển giáo dục hiện đại; học hỏi được kinh nghiệm các nước; đẩy mạnh nhiều dự án hợp tác trong quá trình phát triển.

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế, nội dung và phương thức đào tạo nguồn nhân lực thay đổi trên nhiều phương diện. Thị trường lao động toàn cầu cũng đòi hỏi người lao động phải có trình độ, kiến thức, tay nghề cao. Kiến thức, kỹ năng, chất lượng đào tạo sẽ trở thành những nhân tố quan trọng, thúc đẩy sự phát triển và hội nhập của nhà trường.

Quá trình hội nhập và hợp tác giữa các trường, các tổ chức giáo dục nước ngoài sẽ giúp Trường mở rộng ngành nghề đào tạo, tăng cường trang thiết bị học tập hiện đại, nâng cao trình độ chuyên môn đội ngũ viên chức, đồng thời làm xuất hiện động lực cạnh tranh lẫn nhau về điều kiện học tập, số lượng và chất lượng đào tạo. Từ đó, chất lượng và hiệu quả đào tạo sẽ được nâng lên.

***Thứ tư*,** GV, VC có thêm cơ hội, điều kiện học tập, làm việc trong môi trường hợp tác, cạnh tranh.

Quá trình hội nhập và hợp tác sẽ tạo động lực thúc đẩy GV, VC không ngừng học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ năng lực quản lý, nghiên cứu, giảng dạy.

***Thứ năm*,** Trường có cơ hội đổi mới, phát triển và hội nhập.

Yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục và công cuộc chấn hưng đất nước mở ra cơ hội lớn để nhà trường thực hiện định hướng đổi mới.

**2. Những thách thức đặt ra đối với Trường Đại học Tiền Giang trong thời kỳ toàn cầu hóa và hội nhập.**

Bên cạnh những cơ hội, Trường Đại học Tiền Giang sẽ đối diện với những thách thức lớn như sau:

***- Thứ nhất*,** thách thức trong việc thực hiện mục tiêu đào tạo.

Cạnh tranh giữa các trường đại học ngày càng gay gắt, do quá trình hội nhập, nhiều CSGD trong nước và n­ước ngoài sẽ tham gia quá trình đào tạo nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Tiền Giang, vùng Nam bộ và cả nước.

***- Thứ hai*,** thách thức trong việc bảo đảm chất l­ượng đào tạo.

Yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục đại học là một thách thức lớn, không dễ thực hiện. Trong khi đó, những điều kiện của Trường về CTĐT, giáo trình, số lượng chất lượng đội ngũ GV, CSVC chưa đáp ứng công cuộc đổi mới, đào tạo nhân lực chất lượng cao và hội nhập quốc tế. Mặt khác, yêu cầu nâng cao chất lượng của giáo dục ĐH đang mâu thuẫn với chế độ tiền lương và các chế độ khác quá lạc hậu đối với GV. Điều này trở thành nguyên nhân làm chậm quá trình đổi mới. Xét rộng hơn, tình hình kinh tế khó khăn cũng đặt ra cho giáo dục những áp lực không nhỏ trong việc ĐBCL đào tạo.

***- Thứ ba*,** thách thức về năng lực cạnh tranh và nguy cơ tụt hậu.

Xuất phát điểm của Trường ĐHTG khá thấp so với một số trường ĐH trong khu vực. Trường mới thành lập được 20 năm và đang khởi động đổi mới trong môi trường giáo dục vĩ mô còn nhiều khó khăn. Khâu liên kết, hợp tác với các viện, Trường chưa đi vào chiều sâu, hiệu quả chưa cao. Yêu cầu hội nhập trong giáo dục - đào tạo rất cao nhưng khả năng hội nhập của Trường còn hạn chế. Nếu không có chính sách phù hợp thì trường sẽ đối mặt những rủi ro trong việc chảy máu chất xám.

***Thứ tư,*** thách thức trong thực hiện đổi mới cơ chế quản lý

Những quy định mới của Chính phủ và và Bộ GD&ĐT về quy hoạch mạng lưới trường ĐH, tự chủ ĐH là những thách thức lớn đối với Trường ĐHTG - một trường ĐH trực thuộc UBND tỉnh Tiền Giang.

***Thứ năm,*** xu hướng phát triển giáo dục ĐH đặt ra yêu cầu mỗi nhà trường cần đáp ứng đòi hỏi của nền “Kinh tế tri thức”. Thị trường lao động biến động và phát triển, đòi hỏi trách nhiệm xã hội và năng lực nghiên cứu phát triển của trường ĐH ngày càng cao. Cạnh tranh giữa các trường ĐH ngày càng gia tăng.

***Thứ sáu,*** một số chính sách của Nhà nước về điều tiết đào tạo, sử dụng nhân lực và khoa học công nghệ còn bất cập. Mâu thuẫn giữa nhu cầu nâng cao chất lượng đào tạo trong khi chi phí cho đào tạo thấp.

Để nắm bắt cơ hội mới, vượt qua thách thức và giảm thiểu rủi ro, Trường ĐHTG cần nhận diện khách quan tất cả điểm mạnh và điểm yếu của mình. Từ đó, đề ra chiến lược, chính sách, biện pháp sát hợp, khả thi.

**III. CÁC NHÂN TỐ CHỦ YẾU TÁC ĐỘNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG ĐẠI HỌC TIỀN GIANG**

Các nhân tố chủ yếu sau đây sẽ tác động đến sự phát triển của Trường ĐHTG trong thời gian tới:

**1. Các nhân tố bên ngoài trường**

***a) Nhân tố chính trị***

Bộ chính trị đã ban hành Kết luận số 91-KL/TW ngày 12/8/2024 tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI “ Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”.

***b) Nhân tố kinh tế***

Việc ưu tiên đầu tư xây dựng và phát triển vùng ĐBSCL trở thành vùng trọng điểm quốc gia về sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, du lịch sinh thái tầm quốc gia và quốc tế, cùng với sự phục hồi kinh tế trong những năm tới và yêu cầu tái cấu trúc nền kinh tế sẽ mở ra nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và cơ hội việc làm cho sinh viên tốt nghiệp.

Tác động của cộng đồng ASEAN, Hiệp định thương mại tự do EU… sẽ ảnh hưởng đến kinh tế và nhiều mặt của đời sống xã hội, trong đó lĩnh vực giáo dục đào tạo thể hiện rõ tính chất hai mặt của quá trình hội nhập.

***c) Nhân tố xã hội***

Sự quan tâm và mối quan hệ gắn bó giữa nhà trường với phụ huynh SV, cộng đồng xã hội cùng với mối quan hệ hợp tác đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao giữa nhà trường và các nhà doanh nghiệp, cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu…là nền tảng cho sự tồn tại và phát triển bền vững của nhà trường và xã hội.

**2. Các nhân tố bên trong Trường**

Phẩm chất đạo đức nhà giáo cùng với năng lực quản lý của cán bộ lãnh đạo, năng lực nghiên cứu, giảng dạy của GV ngày một nâng lên là nhân tố chủ yếu, quyết định cho sự phát triển của nhà trường.

Đời sống, trình độ nghiệp vụ giảng dạy, quản lý của VC được cải thiện, nâng cao là nhân tố tạo động lực và năng lực mới cho sự phát triển của nhà trường.

Kiện toàn tổ chức quản lý, đổi mới cách dạy cách học; tăng cường CSVC khang trang, đầu tư trang thiết bị hiện đại, là nhân tố cơ bản, cần thiết để nhà trường ổn định và phát triển.

Sinh viên của trường năng động, sáng tạo, tích cực, chủ động học tập, nghiên cứu cùng với môi trường giáo dục lành mạnh, hiện đại là nhân tố quan trọng tạo nên sự phát triển về chất của nhà trường.

**Phần IV**

**QUAN ĐIỂM, ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN**

**SỨ MẠNG, TẦM NHÌN, GIÁ TRỊ CỐT LÕI VÀ TRIẾT LÝ GIÁO DỤC**

**I. QUAN ĐIỂM VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN**

**1. Quan điểm**

Phát triển Trường ĐHTG phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về đổi mới GD&ĐT, Chiến lược phát triển GD&ĐT; Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ của tỉnh Tiền Giang và cả nước.

Xây dựng nhà trường theo định hướng ứng dụng, đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực với tất cả các loại hình đào tạo. Phát triển toàn diện và bền vững, ưu tiên đầu tư phát triển các hướng nghiên cứu khoa học trọng điểm, mũi nhọn của các tỉnh Nam bộ và cả nước. Cụ thể như sau:

***Thứ nhất,*** đổi mới căn bản và toàn diện hoạt động giáo dục và đào tạo của nhà trường theo hướng ứng dụng; từng bước thực hiện tự chủ và hội nhập quốc tế, thích ứng với nền kinh tế thị trường định hướng XHCN và xu thế phát triển khoa học công nghệ của thế giới.

***Thứ hai*,** phát huy vai trò của nhà trường trong đào tạo nguồn nhân lực cho các tỉnh Nam bộ và cả nước.

Trường tiếp tục đẩy mạnh hiện đại hóa, xã hội hóa giáo dục đào tạo, phục vụ tốt nhu cầu học tập của cộng đồng xã hội, nhằm phát triển con người toàn diện, có khả năng phát huy năng lực và lợi thế địa phương trong cạnh tranh để góp phần xây dựng ĐBSCL thành vùng trọng điểm quốc gia về sản xuất nông nghiệp, chế biến nông sản xuất khẩu và phát triển du lịch.

***Thứ ba*,** đào tạo đa ngành theo học chế tín chỉ, bồi dưỡng nguồn nhân lực đa dạng phục vụ sản xuất, kinh doanh và các hoạt động dịch vụ. Gắn đào tạo, bồi dưỡng với nghiên cứu, chuyển giao khoa học công nghệ, góp phần phát triển sản xuất và cải thiện đời sống nhân dân các tỉnh Nam bộ.

***Thứ tư,*** thực hiện dân chủ hóa mọi mặt trong nhà trường làm cơ sở phát huy sức mạnh của đội ngũ GV, VC để đổi mới, phát triển và mở rộng hợp tác. Phát huy vai trò tích cực, chủ động, sáng tạo của tập thể VC, GV và SV. Từ đó, tạo điều kiện để tăng cường hợp tác đào tạo, nghiên cứu khoa học với các trường ĐH, các viện nghiên cứu trong và ngoài nước nhằm nhanh chóng tiếp cận xu thế phát triển giáo dục ĐH tiên tiến và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

**2. Định hướng phát triển**

a) Phát triển Trường Đại học Tiền Giang phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương tỉnh Tiền Giang.

b) Xây dựng nhà trường theo hướng ứng dụng vừa là mục tiêu vừa là động lực để nhà trường huy động các nguồn lực, phát triển đội ngũ giảng viên, viên chức lãnh đạo, quản lý; đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nhân tài, nghiên cứu khoa học và công nghệ phục vụ sự phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh Tiền Giang và các tỉnh Nam bộ.

c) Phát huy sức mạnh tổng hợp từ mọi nguồn lực trong Trường, phát huy tinh thần đoàn kết, sáng tạo của các thế hệ GV, VC quản lý của nhà trường; phát huy tính năng động, tự giác, tích cực của người học; khuyến khích sự tham gia tích cực của các doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội vào hoạt động đào tạo của nhà trường. Xây dựng và khẳng định vị thế của Trường trong công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, kết nối phục vụ cộng đồng, góp phần thiết thực để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh Tiền Giang và vùng Nam bộ.

d) Phát triển nhà trường một cách toàn diện và bền vững, xây dựng thương hiệu về đào đạo đại học các lĩnh vực sư phạm, du lịch, ngôn ngữ, kinh tế - kinh doanh, khoa học tự nhiên và công nghệ, khoa học xã hội và nhân văn.

e) Đào tạo sau đại học một số lĩnh vực đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực có trình độ cao của tỉnh Tiền Giang và các tỉnh Nam bộ.

**II. SỨ MẠNG VÀ TẦM NHÌN**

**1. Sứ mạng:** “Trường Đại học Tiền Giang đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao, nghiên cứu và chuyển giao sản phẩm khoa học công nghệ góp phần phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh Nam bộ và cả Nước”.

**2. Tầm nhìn**

- Đến năm 2035, Trường Đại học Tiền Giang là trung tâm đào tạo nguồn nhân lực, nghiên cứu khoa học, chuyển giao sản phẩm khoa học công nghệ và cung ứng dịch vụ có uy tín, chất lượng chất lượng cao đáp ứng nhu cầu xã hội và thị trường lao động trong cả nước.

- Đến năm 2045 xây dựng và phát triển thành trường đại học số, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao của vùng Nam bộ và cả nước.

**III. GIÁ TRỊ CỐT LÕI VÀ TRIẾT LÝ GIÁO DỤC**

**1. Giá trị cốt lõi:** “Thiết thực - Hiệu quả - Hài hòa”.

**2. Triết lý giáo dục:** “Học để tự chủ, giải quyết vấn đề thực tiễn, phát huy tiềm năng và sống hài hòa”.

Nội hàm của triết lý giáo dục này được cụ thể hóa qua mục tiêu giáo dục ở Trường ĐHTG, hướng người học đến 07 mục tiêu chính như sau:

*(1)* Nhận biết được bản thân để phát huy tiềm năng; hiểu được ý nghĩa cuộc sống để hướng đến hạnh phúc, có trách nhiệm với gia đình và cộng đồng, xã hội;

*(2)* Có năng lực tự học, tự chủ, có khả năng khởi nghiệp;

*(3)* Có kiến thức nền tảng vững chắc, rèn luyện kỹ năng, có thái độ đúng đắn đối với ngành nghề, lĩnh vực đào tạo và làm việc hiệu quả;

*(4)* Kiến tạo các sản phẩm, quy trình, hệ thống mới đáp ứng nhu cầu thực tiễn và vận hành chúng thành thạo;

*(5)* Có đủ sức khỏe và nghị lực để khắc phục những khó khăn, thực hiện được các mục tiêu, kế hoạch đã đề ra;

*(6)* Có năng lực sáng tạo những cách làm mới, khám phá tri thức mới nhằm giải quyết những vấn đề thực tiễn một cách khoa học, mang lại hiệu quả cao;

*(7)* Có hiểu biết cơ bản về bản sắc văn hóa vùng đồng bằng sông Cửu Long, Nam bộ nói riêng và Việt Nam, ASEAN nói chung; trở thành công dân ASEAN, công dân toàn cầu trong tương lai gần.

**Phần V**

**MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

**I. MỤC TIÊU CHUNG**

1. Phát triển Trường Đại học Tiền Giang trở thành trường đại học tự chủ, theo định hướng ứng dụng. Là trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đa lĩnh vực, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế.

2. Trở thành trường đại học số, định hướng ứng dụng, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao của vùng Nam bộ và của cả Nước.

**II. MỤC TIÊU CỤ THỂ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

**1. Mục tiêu và giải pháp về tổ chức và quản trị**

**a) Mục tiêu**

- Xây dựng tổ chức bộ máy ổn định, hệ thống quản trị hiệu quả, minh bạch.

- Trường đạt các điều kiện cần và đủ để thực hiện cơ chế tự chủ đại học và vận hành hiệu quả cơ chế này trong công tác quản trị nhà trường.

**b) Giải pháp**

* Triển khai đồng bộ hệ thống quản trị đại học nhằm phát triển Truờng Đại học Tiền Giang theo mô hình đại học tự chủ, số hóa hiện đại.

*-* Thực hiện đầy đủ các điều kiện để Trường được tự chủ theo pháp luật, đặc biệt là thực hiện phân quyền tự chủ đến đơn vị và cá nhân trong Trường.

- Các vị trí lãnh đạo chủ chốt (Chủ tịch hội đồng trường và hiệu trưởng) được kiện toàn kịp thời, thời gian khuyết đồng thời 2 vị trí không quá 6 tháng.

- Xây dựng và ban hành hệ thống văn bản quy chế, quy định nội bộ đã được đầy đủ theo quy định của [Luật Giáo dục đại học](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Luat-Giao-duc-dai-hoc-2012-142762.aspx" \t "_blank).

- Chỉ đạo khai thác hiệu quả các nguồn lực của Trường để tăng nguồn thu hợp pháp, đảm bảo cho Trường sớm tự chủ được về chi thường xuyên.

**2. Mục tiêu và giải pháp về phát triển đội ngũ giảng viên**

**a) Mục tiêu**

- Xây dựng và phát triển nguồn nhân lực đạt chuẩn, đảm bảo về số lượng và chất lượng, có cơ cấu phù hợp với vị trí việc làm, có tư cách đạo đức tốt, làm việc chuyên nghiệp và sáng tạo, đáp ứng quá trình thực hiện sứ mạng của nhà trường.

- Đạt tỷ lệ SV/GV quy đổi theo tiêu chuẩn quy định hiện hành về xác định chỉ tiêu tuyển sinh và các quy định khác của Nhà nước quy định đối với các khối ngành đào tạo.

- Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động trên giảng viên toàn thời gian không thấp hơn 70%.

- Tỷ lệ giảng viên toàn thời gian có trình độ tiến sĩ:

+ Đến năm 2025 không thấp hơn 20%;

+ Đến năm 2030 không thấp hơn 30%;

- 100% VC đạt chuẩn chức danh nghề nghiệp theo vị trí việc làm.

**b) Giải pháp**

- Rà soát đội ngũ VC, GV hiện có theo các tiêu chuẩn chức danh và vị trí việc làm; thực hiện chính sách tinh giản biên chế và chấm dứt hợp đồng làm việc đối với VC, GV không đạt chuẩn chức danh, không hoàn thành nhiệm vụ.

- Xây dựng hoàn thiện đề án vị trí việc làm theo từng giai đoạn, theo hướng tiếp tục ổn định bộ máy tổ chức và nhân sự, không tăng đội ngũ VC hành chính, phục vụ nhằm tiết kiệm biên chế, tiết kiệm chi thường xuyên.

- Xây dựng kế hoạch thu hút, tuyển dụng bổ sung đội ngũ VC giảng dạy chuyên trách (không giữ chức vụ quản lý) nhất là đội ngũ GV có trình độ TS về Trường công tác nhằm đáp ứng yêu cầu về chỉ tiêu tuyển sinh, mở ngành học mới và quy mô đào tạo của Trường giai đoạn 2021 - 2030.

- Nghiên cứu xây dựng và ban hành cơ chế ưu việt nhằm phát hiện, thu hút, trọng dụng và nuôi dưỡng người tài; cơ chế khuyến khích GV học nghiên cứu sinh để mở ngành học mới hoặc giữ các ngành đang tổ chức đào tạo.

- Ban hành các quy định, chính sách về đào tạo, bồi dưỡng và chính sách hỗ trợ thu hút, đào tạo nguồn nhân lực có trình độ TS.

- Xây dựng kế hoạch và cử đi đào tạo tiến sĩ từ đội ngũ GV hiện có của Trường; đồng thời tranh thủ sự ủng hộ của cơ quan chủ quản và cơ quan có thẩm quyền (UBND tỉnh, Sở Nội vụ) trong việc điều tiết nhân sự trình độ TS từ các cơ quan, đơn vị sự nghiệp trong tỉnh về Trường công tác.

- Bồi dưỡng đội ngũ VC trình độ TS về năng lực quản lý nhà nước để lựa chọn, đưa vào quy hoạch các chức danh quản lý cấp Trường, cấp đơn vị thuộc Trường và bộ môn thuộc khoa.

**3. Mục tiêu và giải pháp về cơ sở vật chất**

**a) Mục tiêu**

- Xây dựng cơ sở vật chất đồng bộ, hiện đại, tạo môi trường học tập thân thiện và thu hút, đáp ứng yêu cầu phát triển nhà trường và chuyển đổi số đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 và năm 2045.

- Đạt tiêu chuẩn về cơ sở vật chất và trang thiết bị theo tiêu chí đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học.

- Đến năm 2030: hoàn thành cải tạo và sửa chữa cơ sở tại xã Thân Cửu Nghĩa; xây dựng ký túc xá; hoàn thành việc giải tỏa mặt bằng, hạ tầng kỹ thuật giai đoạn 2 và hàng rào từ cổng chính đến ký túc xá; nhà thi đấu tổng hợp thuộc Dự án Trường Đại học Tiền Giang đưa vào sử dụng. Hoàn thành 90% các hạng mục Đề án chuyển đổi số của Trường Đại học Tiền Giang.

- Đến năm 2035, hoàn thiện các hạng mục còn lại của Dự án Trường Đại học Tiền Giang tại xã Thân Cửu Nghĩa.

- Tầm nhìn đến năm 2045, Trường đạt vị trí cao trong các bảng xếp hạng về chất lượng cơ sở vật chất.

**b) Giải pháp**

- Tích cực tham mưu Tỉnh ủy, UBND tỉnh Tiền Giang và phối hợp với UBND huyện Châu Thành cùng Ban Quản lý dự án dân dụng và công nghiệp tỉnh Tiền Giang để triển khai hiệu quả các dự án và hoạt động đầu tư.

- Xây dựng kế hoạch đầu tư công dài hạn, trung hạn và ngắn hạn để tranh thủ nguồn vốn từ quỹ xây dựng cơ bản của tỉnh; tập trung hoàn thiện cơ sở vật chất và trang thiết bị của trường; lập kế hoạch thực hiện chuyển đổi số của trường theo từng năm với các mục tiêu cụ thể, giải pháp khả thi để thực hiện đạt hiệu quả các mục tiêu đề ra trong Đề án chuyển đổi số.

- Đầu tư có trọng tâm vào các hạng mục công trình đã được phê duyệt; trong đó chú trọng đến việc đầu tư các trang thiết bị phục vụ chuyển đổi số. Tập trung mua sắm cho các khoa, bộ môn và ngành đào tạo từ ngân sách cấp (chi thường xuyên không giao tự chủ) và nguồn tài trợ, nhằm trang bị các thiết bị hiện đại phục vụ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cũng như các phòng thí nghiệm chuyên sâu cho nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

- Sử dụng hợp lý cơ sở vật chất ở hai cơ sở với các loại hình dịch vụ phù hợp để tăng nguồn thu, từ đó cải thiện hoạt động của nhà trường và thu nhập cho viên chức. Xây dựng quy trình quản lý và sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thực hiện phân cấp quản lý đến từng đơn vị. Đồng thời, thiết lập cơ chế phối hợp giữa các đơn vị trong việc quản lý và sử dụng cơ sở vật chất của trường.

**-** Thiết lập cơ chế đánh giá định kỳ hiệu quả của các hạng mục đầu tư và sử dụng cơ sở vật chất. Trên cơ sở đó, thực hiện điều chỉnh kịp thời các kế hoạch, đảm bảo đáp ứng nhu cầu thực tế và xu hướng phát triển giáo dục.

**4. Mục tiêu và giải pháp về nguồn học liệu**

**a) Mục tiêu**

- Số bản sách cho mỗi tên giáo trình: ít nhất 50 bản sách/1.000 người học.

- Số bản sách cho mỗi tên tài liệu tham khảo: ít nhất 20 bản sách/1.000 người học.

- Giáo trình, tài liệu tham khảo bảo đảm các quy định về sở hữu trí tuệ. Với các giáo trình, tài liệu tham khảo đã được số hóa thì số bản sách bảo đảm tối thiểu 50% định mức; tài liệu nội sinh được số hóa 100%; có bản quyền truy cập cơ sở dữ liệu trong nước và quốc tế về sách, tạp chí khoa học phù hợp với trình độ và quy mô đào tạo của ngành đào tạo.

- Đảm bảo tối thiểu cho 5% tổng số người học và bảo đảm định mức 2,4 m²/01 chỗ (không bao gồm không gian mở); tổng diện tích các phòng đọc không nhỏ hơn 200m².

- Thư viện số có tính tương thích, kết nối được với các cơ sở dữ liệu tài nguyên thông tin số và các hệ thống liên quan; bảo đảm tính xác thực và toàn vẹn thông tin tài nguyên thông tin số; tuân thủ theo tiêu chuẩn quốc gian và quốc tế.

**b) Giải pháp**

- Tăng cường quy mô, chất lượng tài liệu và nguồn lực thông tin, kết hợp hài hòa giữa tài liệu in và tài liệu số, được cấu trúc một cách linh động và mềm dẻo để có thể lưu giữ và chuyển tải một cách thuận tiện, phù hợp với mục tiêu đào tạo của nhà trường; đẩy mạnh liên kết chia sẻ nguồn lực thông tin trong hệ thống thư viện đại học khu vực và cả nước.

- Về cơ sở vật chất và thiết bị chuyên dùng: xác định Trung tâm Thông tin – Thư viện là thiết chế quan trọng hàng đầu trong cơ cấu đào tạo của một trường

- Tập trung đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, thiết bị chuyên dùng đối với Trung tâm Thông tin - Thư viện theo hướng hiện đại nhằm đáp ứng tốt nhu cầu nghiên cứu, học tập của giảng viên, sinh viên.

- Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động thư viên; kết hợp giữa thư viện truyền thống và thư viện điện tử, thư viện số; kịp thời đưa các thiết bị công nghệ thông tin tiên tiến hiện đại vào hoạt động phục vụ bạn đọc. Xây dựng, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, nhân viên thư viện có năng lực, phẩm chất đạo đức tốt nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ đổi mới toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm công tác giáo dục, đào tạo. Định kỳ tiến hành đánh giá chất lượng phục vụ của thư viện để kịp thời điều chỉnh, nâng cao chất lượng hoạt động đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục, đào tạo.

**5. Mục tiêu và giải pháp về bảo đảm và kiểm định chất lượng**

**a) Mục tiêu**

Thực hiện Chương trình phát triển hệ thống bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học và cao đẳng sư phạm giai đoạn 2022 – 2030 theo Quyết định của Chính phủ; đẩy mạnh kiểm định chất lượng giáo dục trong nước và quốc tế về chương trình đào tạo; tăng cường công tác đánh giá nội bộ theo các Bộ chuẩn do cơ quan chủ quản ban hành, cụ thể:

- Hoàn thiện và phát triển hệ thống đảm chất lượng bên trong để thực thi hiệu quả mục tiêu chiến lược và văn hóa chất lượng của Trường;

- Đạt tiêu chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục chu kỳ kiểm định tiếp theo;

- 80% số chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn chất lượng chu kỳ kiểm định lần thứ nhất hoặc lần thứ hai; trong đó có ít nhất 20% số chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn chất lượng kiểm định quốc tế, 100% số chương trình đào tạo giáo viên các trình độ đạt tiêu chuẩn chất lượng;

- Có ít nhất 5 người được cấp thẻ kiểm định viên; 100% kiểm định viên được bồi dưỡng định kỳ, chuyên sâu về công tác bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục. 7% kiểm định viên có chứng nhận và tham gia hoạt động kiểm định quốc tế;

- 100% viên chức chuyên trách về bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục được bồi dưỡng chuyên sâu về nghiệp vụ đáp ứng yêu tham mưu xây dựng và thực thi chính sách, quy định về bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục, trong đó có 35% được tập huấn, đào tạo bởi chuyên gia quốc tế và khu vực.

- Có ít nhất 70% người học hài lòng với giảng viên về chất lượng và hiệu quả giảng dạy; Ít nhất 70% người tốt nghiệp hài lòng tổng thể về quá trình học tập và trải nghiệm.

- Có ít nhất 70% người tốt nghiệp đại học có việc làm phù hợp với trình độ chuyên môn được đào tạo, tự tạo việc làm hoặc học tiếp trình độ cao hơn trong thời gian 12 tháng sau khi tốt nghiệp.

**b) Giải pháp**

**-** Tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản quy định về bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục.

Rà soát, xây dựng và hoàn thiện các chính sách, cơ chế, tiêu chuẩn, quy trình, biện pháp để phát triển và nâng cao chất lượng hệ thống bảo đảm chất lượng giáo dục đại học và cao đẳng sư phạm, trong đó có các chính sách khuyến khích, hỗ trợ đối với các giảng viên của cơ sở giáo dục đại học tham gia hoạt động bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục;

- Nâng cao năng lực của hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong Trường

+ Xây dựng, kiện toàn hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong cơ sở đào tạo để thực thi hiệu quả sứ mạng, mục tiêu của cơ sở đào tạo;

+ Xây dựng và phát triển hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu bảo đảm chất lượng và quy trình quản lý chất lượng, thực hiện trách nhiệm giải trình và công khai thông tin theo quy định;

+ Bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực đội ngũ viên chức làm công tác bảo đảm chất lượng;

+ Bồi dưỡng, nâng cao về chất lượng và số lượng đội ngũ kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục, bảo đảm có đủ năng lực để triển khai hoạt động nâng cao chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục;

+ Cử viên chức tham gia sát hạch cấp thẻ kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục nhằm tăng cường số lượng và nâng cao năng lực của đội ngũ kiểm định viên trong Trường;

+ Đẩy mạnh công tác truyền thông nâng cao nhận thức và trách nhiệm của viên chức Trường về hoạt động bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục; đẩy mạnh và phát triển văn hóa chất lượng trong nhà trường.

- Thành lập Nhóm đánh giá nội bộ, định kỳ đánh giá nội bộ các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục của Trường;

- Tăng cường vai trò của tổ BĐCL tại các đơn vị, vai trò giám sát của Phòng thanh tra pháp chế.

+ Tăng cường sự tham gia và phối hợp của tổ BĐCL tại các đơn vị vào hoạt động bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục trong việc phối hợp xây dựng, thực hiện, báo cáo và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch BĐCL năm học.

+ Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực thi chính sách bảo đảm và kiểm định chất lượng của Trường; giám sát và đánh giá hoạt động của Hội đồng bảo đảm chất lượng.

- Lấy ý kiến người học về mức độ hài lòng với giảng viên về chất lượng và hiệu quả giảng dạy; người tốt nghiệp hài lòng tổng thể về quá trình học tập và trải nghiệm, về việc làm trong thời gian 12 tháng sau khi tốt nghiệp. Hằng năm thực hiện kế hoạch, có đánh giá, đề xuất cải tiến nâng cao chất lượng.

**6. Mục tiêu và giải pháp về tuyển sinh và hoạt động đào tạo**

**a) Mục tiêu**

- Về ngành học và trình độ đào tạo

+ Đến năm 2030: Trường tuyển sinh đào tạo ít nhất 25 ngành đào tạo trình độ đại học, sau đại học ở các nhóm ngành kinh tế và khoa học xã hội; nhóm ngành kỹ thuật và công nghệ; nhóm ngành nông nghiệp và công nghệ thực phẩm; nhóm ngành đào tạo giáo viên. Duy trì ngành Giáo dục mầm non, phát triển thêm ít nhất 02 ngành đào tạo trình độ sau đại học.

+ Đến năm 2035: Trường phát triển quy mô tuyển sinh 25 ngành đào tạo trình độ đại học ở các nhóm ngành kinh tế và khoa học xã hội; nhóm ngành kỹ thuật và công nghệ; nhóm ngành nông nghiệp và công nghệ thực phẩm; nhóm ngành đào tạo giáo viên. Tuyển sinh đào tạo ít nhất 05 ngành trình độ sau đại học ở các lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp và kinh tế.

- Về phương thức đào tạo đào tạo

+ Đến năm 2030: Đào tạo đại học, ngoài đào tạo chính quy Trường mở rộng tuyển sinh ít nhất 05 chương trình đào tạo liên thông ở hình thức vừa làm vừa học; 03 chương trình đào tạo từ xa.

+ Đến năm 2035: Ngoài đào tạo chính quy Trường có tuyển sinh ít nhất 10 chương trình đào tạo liên thông ở hình thức vừa làm vừa học; 10 chương trình đào tạo từ xa.

- Về quy mô đào tạo:

+ Đến năm 2030: Đào tạo đại học đạt quy mô 6.500 người học, đào tạo sau đại học đạt quy mô 50 người học.

+ Đến năm 2035: Đào tạo đại học đạt quy mô 7.000 người học, đào tạo sau đại học đạt quy mô 200 người học.

- Về chất lượng đào tạo

+ Duy trì tỉ lệ thôi học /nhập học nhỏ hơn 10%;

+ Duy trì xếp hạng tốt nghiệp đạt loại khá, giỏi lớn hơn 70%;

+ Duy trì tỉ lệ có việc làm phù hợp với trình độ đào tạo đạt trên 90%.

**b) Giải pháp**

- Đẩy mạnh khảo sát nhu cầu thị trường lao động, định hướng phát triển kinh tế văn hoá, xã hội của khu vực tuyển sinh. Đánh giá đúng tình hình việc làm của người học sau tốt nghiệp.

- Xây dựng nền tảng ứng dụng công nghệ cho hoạt động giảng dạy, thực hiện việc chuyển đổi số trong hoạt động đào tạo. Mở rộng quy mô và đa dạng hình thức đào tạo, triển khai nhiều phương thức đào tạo đáp ứng nhu cầu người học.

- Áp dụng mô hình quản trị đại học mới phù hợp với định hướng tự chủ đại học, tuyển dụng, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ giảng viên, đội ngũ cán bộ quản lý có theo định hướng phát triển trường.

- Nâng cao số lượng trình độ giảng viên ở trình độ tiến sĩ theo lĩnh vực, ngành đào tạo. Đẩy mạnh hợp tác trao đổi nội dung chuyên môn và phương pháp giảng dạy với giảng viên trong trường và các trường trong khu vực.

- Đầu tư có trọng điểm các phòng thí nghiệm, thực hành chuyên ngành với công nghệ hiện đại đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra.

- Tăng cường hoạt động liên kết đào tạo với các doanh nghiệp trong và ngoài nước nhằm gia tăng cơ hội thực hành, thực tập cho người học, nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp và thái độ làm việc của người học.

- Công nhận và chuyển đổi tín chỉ cho người học với các cơ sở đào tạo khác, chương trình trao đổi sinh viên giữa Trường và đối tác, liên kết đào tạo với các trường đại học đã được kiểm định.

- Xây dựng hệ thống kiểm tra, đánh giá kết quả học tập theo năng lực đáp ứng chuẩn đầu ra. Hoàn chỉnh quy trình tổ chức, quản lý tiến độ và kết quả học tập của người học trước tốt nghiệp.

**7. Mục tiêu và giải pháp về nghiên cứu và đổi mới sáng tạo**

**a) Mục tiêu**

- Mục tiêu 1: Tăng cường năng lực nghiên cứu và đổi mới sáng tạo

- Các chỉ tiêu:

+ Hàng năm có 100% giảng viên hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu khoa học theo quy định; số lượng công bố khoa học và công nghệ tính bình quân trên một giảng viên không thấp hơn 0,3 bài/năm.

+ Giai đoạn 2025 - 2030, tính đến hết năm 2030, Trường chủ trì ít nhất 10 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở/tỉnh/bộ/quốc gia.

+ Giai đoạn 2025 - 2030, mỗi năm có ít nhất 20 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Trường của viên chức, 15 đề tài khoa học và công nghệ cấp Trường của sinh viên được triển khai thực hiện; mỗi năm có ít nhất 30 bài báo đăng trên các tạp chí khoa học uy tín quốc tế thuộc danh WoS/SCOPUS.

+ Giai đoạn 2025 - 2030, tính đến hết năm 2030, hình thành được ít nhất 03 nhóm nghiên cứu, đóng góp tổng sản phẩm khoa học tối thiểu là 15 bài báo báo đăng trên các tạp chí khoa học uy tín quốc tế thuộc danh mục WoS/SCOPUS. Đến năm 2030, tạp chí khoa học Trường Đại học Tiền Giang được tính điểm ở ít nhất 3 Hội đồng ngành/liên ngành theo quy định của HĐCDGSNN;

+ Giai đoạn 2025 – 2030; Trường chủ trì tổ chức hoặc đồng tổ chức ít nhất 5 hội thảo khoa học cấp quốc gia hoặc quốc tế;

+ Tỉ trọng thu từ các hoạt động khoa học và công nghệ trên tổng thu của Trường tính trung bình trong giai đoạn 2025 – 2030 không thấp hơn 1%;

+ Hàng năm tổ chức ít nhất 01 cuộc thi sinh viên khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cấp Trường.

- Mục tiêu 2: Xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng khoa học công nghệ

- *Các chỉ tiêu:*

*+* Đến năm 2030 hoàn chỉnh hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu khoa học công nghệ trực tuyến.

+ Giai đoạn 2025 - 2030: 100% hoạt động của tạp chí khoa học Trường Đại học Tiền Giang được vận hành thông qua website quản lý trực tuyến.

**b) Giải pháp**

- Triển khai đồng bộ quy mô, nội dung hoạt động và xác định danh mục nhiệm vụ khoa học công nghệ trong từng năm và đúng trọng điểm chiến lược, yêu cầu phát triển.

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả nghiên cứu khoa học thông qua việc: Phát triển năng lực đội ngũ, hình thành đội ngũ nghiên cứu viên, chuyên gia; xây dựng chính sách để quy tụ nguồn nhân lực tham gia vào hoạt động khoa học công nghệ.

- Đầu tư hạ tầng khoa học công nghệ hiện đại nhằm đáp ứng nhiệm vụ nghiên cứu khoa học của Trường và phục vụ nhu cầu hợp tác nghiên cứu với các nhà khoa học trong và ngoài nước.

- Tổ chức các hoạt động trao đổi học thuật, hội thảo, hội nghị khoa học trong nước và quốc tế để tạo phong trào, động lực thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học trong giảng viên và sinh viên.

- Xây dựng kế hoạch cụ thể nhằm phát triển hệ thống quản lý thông tin khoa học công nghệ và nâng cao chất lượng Tạp chí khoa học của Trường.

- Xây dựng quy định về việc thành lập, hoạt động và chính sách hỗ trợ các nhóm nghiên cứu; xây dựng trung tâm nghiên cứu ứng dụng chuyển giao sản phẩm khoa học công nghệ.

- Đảm bảo công tác về sở hữu trí tuệ của viên chức và sinh viên trong hoạt động nghiên cứu khoa học.

- Hợp tác đầu tư không gian đổi mới sáng tạo, vườn ươm doanh nghiệp khởi nghiệp.

**8. Mục tiêu và giải pháp về hợp tác quốc tế**

**a) Mục tiêu**

Nâng cao vị thế, khẳng định uy tín của Trường với các đối tác quốc tế; tiếp nhận những thành tựu của các trường đại học tiên tiến trên thế giới để nâng cao chất lượng mọi nguồn lực của nhà trường.

Chỉ tiêu:

- Giai đoạn 2025 - 2030: có ít nhất 05 chương trình/dự án hợp tác về các lĩnh vực: liên kết đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thực hiện với các đối tác nước ngoài. Trường có ít nhất 05 giảng viênđược cử đi đào tạo trình độ tiến sĩ hoặc tham gia thực hiện các đề tài/dự án nghiên cứu ở các cơ sở giáo dục đào tạo nước ngoài; chủ trì tổ chức hoặc đồng tổ chức được tối thiểu 03 hội thảo khoa học quốc tế bằng hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến.

- Giai đoạn 2025 - 2030: Hàng năm tiếp nhận ít nhất 05 giảng viên/nghiên cứu viên, ít nhất 10 sinh viên từ các cơ sở giáo dục đào tạo nước ngoài đến Trường trao đổi học thuật thông qua các hình thức: giảng dạy, nghiên cứu, báo cáo ở hội thảo khoa học, báo cáo chuyên đề, thực tập.

- Hàng năm giới thiệu ít nhất 02 giảng viên và ít nhất 01 sinh viên sang giảng dạy, nghiên cứu, học tập tại các cơ sở đào tạo đại học của các đối tác nước ngoài.

**b) Giải pháp**

- Ban hành chính sách đẩy mạnh hợp tác quốc tế, phù hợp chức năng và nhiệm vụ của Trường.

- Tăng cường và chuẩn hóa về ngoại ngữ cho đội ngũ giảng viên và sinh viên. Nâng cao năng lực và chuyên nghiệp hóa cho đội ngũ làm công tác hợp tác quốc tế.

- Xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình hợp tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, trao đổi, giao lưu văn hóa, học thuật cho giảng viên và sinh viênvới các đối tác nước ngoài.

- Tăng cường tìm kiếm, giới thiệu học bổng từ các đối tác nước ngoài cho giảng viên và sinh viên.

- Tổ chức định kỳ các hội thảo quốc tế, các buổi báo cáo chuyên đề với chuyên gia nước ngoài nhằm tạo nhiều cơ hội để nhà trường học hỏi, chia sẻ kinh nghiệm học thuật và tạo dựng thêm các mối quan hệ hợp tác quốc tế mới.

**9. Mục tiêu và giải pháp về công tác chính trị và sinh viên.**

**a) Mục tiêu**

- Đến năm 2030, 100% sinh viên được tuyên truyền, phổ biến, học tập nghị quyết của các cấp ủy Đảng, được cung cấp thông tin về chính sách, pháp luật thông qua các ứng dụng pháp luật trực tuyến, mạng xã hội, các phương tiện thông tin đại chúng; 100% sinh viên được giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, kiến thức pháp luật, kỹ năng sống và kỹ năng mềm.

- 100% sinh viên được giáo dục hướng nghiệp, trang bị kiến thức, kỹ năng về khởi nghiệp trước khi tốt nghiệp; 100% sinh viên được trang bị kiến thức về hội nhập quốc tế và chuyển đổi số; 10% số ý tưởng, dự án khởi nghiệp của sinh viên được kết nối với các doanh nghiệp và được hỗ trợ đầu tư từ nguồn kinh phí phù hợp.

- 100% sinh viên được trang bị kiến thức, kỹ năng rèn luyện thể chất, nâng cao sức khỏe; chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, sức khỏe tâm thần, bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới, bạo lực gia đình, bạo lực học đường, xâm hại tình dục, HIV/AIDS và các biện pháp phòng, chống HIV/AIDS; 60% sinh viên được cung cấp thông tin và tiếp cận các dịch vụ thân thiện về tư vấn, chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục; trên 90% sinh viên tham gia bảo hiểm y tế và được chăm sóc sức khỏe ban đầu*.*

- Trên 80% sinh viên được tạo điều kiện tham gia các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, hoạt động sinh hoạt cộng đồng.

**b) Giải pháp**

- Đổi mới nội dung, hình thức phổ biến giáo dục pháp luật, tư vấn và trợ giúp pháp lý cho sinh viên; ứng dụng công nghệ thông tin, các phần mềm, công cụ trên không gian mạng trong công tác tuyên truyền, phổ biến, cung cấp thông tin về chính sách, pháp luật cho sinh viên, trong đó, chú trọng nhóm sinh viên yếu thế, dân tộc thiểu số.

- Tổ chức các hoạt động kết nối giữa nhà trường với các đơn vị, nhà đầu tư, tập thể, cá nhân để thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp và trang bị các kiến thức, kỹ năng về khởi nghiệp cho sinh viên. Phát triển không gian khởi nghiệp sáng tạo trong nhà trường; tạo môi trường thuận lợi để hỗ trợ sinh viên hình thành và hiện thực hóa các ý tưởng, dự án khởi nghiệp, góp phần tạo việc làm sau khi tốt nghiệp.

- Chú trọng đào tạo, nâng cao năng lực, kỹ năng tư vấn, truyền thông, lập kế hoạch về chăm sóc sức khỏe cho sinh viên khi đang học tại trường. Tuyên truyền về phòng, chống tác hại của thuốc lá, lạm dụng rượu, bia và các chất kích thích khác; phòng ngừa vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội trong sinh viên; tăng cường công tác tuyên truyền về phòng, chống dịch bệnh, bệnh không lây nhiễm và sức khỏe tâm thần. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân cung cấp các dịch vụ tư vấn tâm lý, chăm sóc sức khỏe cho sinh viên; đầu tư, xây dựng các thiết chế văn hóa, thể dục, thể thao, công trình phúc lợi xã hội cho sinh viên.

- Đổi mới, đa dạng hóa các hình thức giới thiệu, phổ biến các tác phẩm văn hóa nghệ thuật có giá trị nhân văn để định hướng, giáo dục trong nhà trường. Khuyến khích sinh viên tham gia hoạt động và sáng tạo trong văn hóa, thể dục, thể thao; gìn giữ, phát huy giá trị văn hóa dân tộc và tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Phát triển mạng xã hội có định hướng tích cực, lành mạnh, đáp ứng nhu cầu của sinh viên trên không gian mạng; quản lý việc sử dụng mạng xã hội thiếu chuẩn mực, thiếu văn minh của sinh viên.

**10. Mục tiêu và giải pháp về Tài chính - Dịch vụ**

**a) Mục tiêu**

Thực hiện tự chủ chi thường xuyên theo lộ trình và có tích lũy để đầu tư phát triển và nâng cao thu nhập cho viên chức, người lao động. Chỉ tiêu cụ thể:

- Biên độ hoạt động trung bình 3 năm nằm trong phạm vi từ 0% đến 30%.

- Chỉ số tăng trưởng bền vững: không âm.

- Từ năm 2030 trở đi, Trường Đại học Tiền Giang là cơ sở giáo dục đại học tự chủ 100% về chi thường xuyên.

***b) Giải pháp***

- Thực hiện lộ trình tự chủ đại học theo quy định của Chính phủ; sử dụng có hiệu quả vốn ngân sách cho việc nâng cao chất lượng đào tạo, từng bước bảo đảm đủ kinh phí hoạt động chuyên môn.

- Xây dựng hệ thống công cụ quản trị tài chính đồng bộ, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thu, chi tài chính và hoàn thiện các quy định trách nhiệm giữa các cấp trong Trường theo nguyên tắc công khai, minh bạch.

- Đa dạng hóa các loại hình và phương thức đào tạo, không ngừng nâng cao chất lượng và hiệu quả cung cấp các dịch vụ cho xã hội, tạo lợi thế cạnh tranh lành mạnh giữa các trường đại học trong khu vực tiến tới tự chủ toàn phần.

- Ban hành cơ chế hoạt động dịch vụ nhằm phát huy các nguồn lực hiện có của Trường để gia tăng nguồn thu hợp pháp cho Trường.

**-** Tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp đối với các lĩnh vực liên quan đến giáo dục để tăng nguồn thu.

- Thành lập một số công ty trực thuộc Trường tương ứng thế mạnh của Trường và mỗi khoa, đặc biệt là công ty cổ phần khoa học công nghệ.

**11. Mục tiêu và giải pháp về phục vụ cộng đồng**

**a) Mục tiêu**

- Thực hiện đầy đủ 100% các nội dung mà nhà trường cam kết, trách nhiệm với xã hội về đảm bảo chất lượng nguồn nhân lực.

- Hình thành Trung tâm Dịch vụ, kết nối và phục vụ cộng đồng góp phần phát triển đời sống vật chất, tinh thần cho người học và cộng đồng.

- Hàng năm, phối hợp với công ty TNHH Esuhai tổ chức chiêu sinh và khai giảng ít nhất 10 lớp tiếng Nhật và thực tập sinh, có ít nhất 40 học viên xuất cảnh sang Nhật làm việc.

- Mỗi năm có từ 200 đến 500 tình nguyện viên tham gia các chương trình, hoạt động tình nguyện như: Chiến dịch Mùa hè xanh, Chương trình Tiếp sức mùa thi, Tiếp sức đến trường, Ngày Chủ nhật xanh, Hiến máu tình nguyện.

- Tạo ra cơ hội học tập và phục vụ tốt việc học tập suốt đời cho người học.

- Là bạn đồng hành của nhà nông, nhà doanh nghiệp trong nghiên cứu chuyển giao khoa học, công nghệ.

***b) Giải pháp***

- Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện đồng bộ các hoạt động dịch vụ, kết nối, phục vụ cộng đồng trên các lĩnh vực: Đào tạo, bồi dưỡng; nghiên cứu; tư vấn hỗ trợ người học; hoạt động xã hội, tình nguyện, nhân, đạo từ thiện.

- Tăng cường các hoạt động hợp tác doanh nghiệp, hợp tác, giao lưu với các trường đại học trong nước và Quốc tế. Tạo điều kiện cho sinh viên tham gia các cuộc thi quốc gia, quốc tế, tham gia hoạt động giao lưu với sinh viên các trường đại học trong nước và quốc tế.

- Duy trì và tăng cường mối quan hệ hợp tác với Ban Giám hiệu các trường THPT, chính quyền các địa phương trong và ngoài tỉnh. Phối hợp chặt chẽ với Công ty TNHH Esuhai trong chương trình hợp tác đào tạo, tốt nghiệp sang Nhật làm việc cho sinh viên trường và thanh niên ngoài trường.

- Làm tốt công tác khảo sát tình hình việc làm sinh viên sau tốt nghiệp, thực hiện khảo sát mức độ hài lòng của sinh viên đối với các hoạt động phục vụ đào tạo và hỗ trợ người học, khảo sát ý kiến các bên liên quan về chất lượng nguồn nhân lực và dịch vụ cung cấp kết nối cộng đồng của Trường Đại học Tiền Gianghàng năm làm căn cứ đánh giá kết quả đào tạo, hiệu quả hoạt động dịch vụ, kết nối và phục vụ cộng đồng để liên tục cải tiến không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực và các hoạt động dịch vụ, kết nối và phục vụ cộng đồng đáp ứng nhu cầu xã hội.

**-** Thiết lập mối quan hệ bền chặt giữa nhà trường với chính quyền các cấp, các ngành, các đơn vị sản xuất kinh doanh, đơn vị tuyển dụng, sử dụng lao động và xã hội nhằm đảm bảo cho nhà trường thực hiện quyền tự chủ, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực và khắc phục sự lãng phí của xã hội nói chung.

**Phần VI**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC**

**I. CÁC GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC**

Việc thực hiện chiến lược phát triển Trường Đại học Tiền Giang giai đoạn 2025 - 2030, tầm nhìn 2045 được chia làm 02 giai đoạn:

**1. Giai đoạn 1: Từ năm 2025 đến năm 2030**

- Tập trung đổi mới hoạt động quản trị và quản lý, đưa hoạt động quản trị và quản lý của Trường đi vào chiều sâu gắn với đổi mới cách làm việc, cách dạy, cách học, cách kiểm tra đánh giá quá trình học tập, rèn luyện. Thực hiện phân cấp, giao quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình cho các đơn vị, cá nhân thuộc Trường.

- Tổ chức thực hiện lộ trình tự chủ ĐH theo Đề án đã được UBND tỉnh Tiền Giang phê duyệt.

- Tiếp tục nghiên cứu thực hiện tinh gọn tổ chức bộ máy; Tập trung đào tạo, thu hút đội ngũ GV có trình độ TS theo quy hoạch và kế hoạch, đáp ứng tốt yêu cầu mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng đào tạo, hiệu quả nghiên cứu khoa học và đạt tiêu chuẩn KĐCL giáo dục.

- Xây dựng được trung tâm nghiên cứu ứng dụng để tìm kiếm, tiếp nhận, thực hiện các đề tài, dự án nghiên cứu và chuyển giao sản phẩm khoa học công nghệ.

- Tăng cường đầu tư CSVC, trang thiết bị, bổ sung, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, GV đáp ứng yêu cầu đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo.

- Hoàn thành và đưa vào sử dụng có hiệu quả các hạng mục tại cơ sở xã Thân Cửu Nghĩa.

- Tổ chức rà soát, điều chỉnh bổ sung Chiến lược phát triển, đánh giá kết quả 5 năm thực hiện Chiến lược gắn với tổng kết đánh giá thành tựu 20 năm xây dựng và phát triển Trường ĐHTG (2005 - 2025).

**2. Giai đoạn 2: Từ năm 2030 đến năm 2035**

- Thực hiện tự chủ ĐH; tiếp tục đẩy mạnh thực hiện phân cấp, giao quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình cho các đơn vị, cá nhân thuộc Trường.

- Nâng cao chất lượng Tạp chí khoa học Trường ĐHTG được tính điểm ở ít nhất 3 Hội đồng ngành/liên ngành.

- Rà soát, đánh giá và tập trung toàn lực để hoàn thành các chỉ tiêu theo định hướng chiến lược phát triển Trường đến năm 2035. Các mục tiêu xây dựng, phát triển Trường đạt và vượt so với chỉ tiêu nêu ra trong Chiến lược này. Đến cuối năm 2035 Trường Đại học Tiền Giang trở thành trường đại học thông minh, có uy tín và thương hiệu mạnh trong nước.

**II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Tổ chức tuyên truyền**

Hiệu trưởng tổ chức tuyên truyền phổ biến Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2025 - 2035, tầm nhìn đến năm 2045 đến toàn thể VC, SV, HV nhà trường trên trang thông tin điện tử của Trường.

**2. Xây dựng kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược**

Căn cứ vào Kế hoạch chiến lược tổng thể của Trường ĐHTG giai đoạn 2025 - 2035, tầm nhìn đến năm 2045, các đơn vị thuộc trường sẽ xây dựng kế hoạch hành động gắn với nhiệm vụ trong từng năm học của đơn vị mình và tổ chức triển khai thực hiện đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

**3. Tổ chức sơ kết, tổng kết**

Hàng năm, trường và các đơn vị thuộc trường tổ chức đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch hành động vào cuối năm học.

BOOKSTrường tổ chức đánh giá và sơ kết 05 năm thực hiện Kế hoạch chiến lược (2025 - 2030) vào cuối năm 2030. Tổ chức đánh giá và tổng kết 10 năm thực hiện Kế hoạch chiến lược (2025 - 2035) vào cuối năm 2035./.